

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu - chi quản lý dự án năm 2023 của Ban Quản lý bảo trì đường bộ

**GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý bảo trì đường bộ trực thuộc Sở Giao thông vận tải Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-SGTVT ngày 29/12/2023 của Sở Giao thông vận tải về việc điều chỉnh dự toán thu - chi quản lý dự án năm 2023 của Ban Quản lý bảo trì đường bộ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu - chi quản lý dự án năm 2023 của Ban Quản lý bảo trì đường bộ (chi tiết theo Biểu số 02 kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tổng hợp; Kế toán trưởng; Tổ trưởng Tổ Website chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở GTVT (b/c);
- Ban Giám đốc ;
- Lưu: VT, KHTH (Kiên 06b).



Nguyễn Trọng Hải

Đơn vị: Ban Quản lý bảo trì đường bộ

Chương: 421

**DỰ TOÁN THU - CHI QUẢN LÝ DỰ ÁN NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-BQLBT ngày 08 / 01 /2024 của Ban QLBT đường bộ)

DVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>	<b>13.839,814</b>
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	5.911,196
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	7.928,618
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	<b>8.203,866</b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>4.313,484</b>
1	Tiền lương	1.929,000
2	Các khoản phụ cấp lương	683,353
3	Các khoản trích nộp theo lương	467,748
4	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	55,000
5	Chi khen thưởng	27,540
6	Chi phúc lợi tập thể	9,000
7	Chi các khoản thanh toán khác cho cá nhân	80,000
8	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	72,168
9	Chi mua vật tư văn phòng	80,000
10	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	169,042
11	Chi hội nghị	3,130
12	Chi thanh toán công tác phí	417,000
13	Chi phí thuê mướn	120,000
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	65,607
15	Chi phí khác	127,000
16	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị HCSN	7,896
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên (chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp)</b>	<b>275,248</b>
1	Mua sắm thiết bị, tài sản dùng cho chuyên môn	29,700
2	Chi đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ	55,000
3	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	6,560
4	Chi trang bị, lắp đặt phương tiện phương tiện chiếu sáng sự cố, chi dẫn thoát nạn và bố trí lối thoát nạn thứ hai tại trụ sở Ban QLBT đường bộ	183,988
<b>III</b>	<b>Trích lập các quỹ (theo ND 60/2021/ND-CP)</b>	<b>3.615,134</b>
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	903,784
2	Quỹ bổ sung thu nhập	2.149,841
3	Quỹ Khen thưởng, Quỹ phúc lợi	561,509